

Bản án số: 150/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2026

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Châu Phúc, ông Cầm Văn Túng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lừ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 330/2026/TLST-HNGĐ ngày 13-5-2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23-7-2026; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị M, sinh ngày 01/6/1999. (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Bản P, xã M, tỉnh Sơn La.

2. *Bị đơn:* Anh Lường Văn B, sinh ngày 16/8/1996. (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Bản P, xã M, tỉnh Sơn La. (Anh Lường Văn B hiện đang chấp hành án tại Trại giam S, Cục C10, Bộ Công an đóng tại xã B, thành phố Hà Nội).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị M và anh Lường Văn B kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 12/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là xã M, tỉnh Sơn La), kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, ngoài ra anh Lường Văn B còn vi phạm pháp luật, chị M đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh B vẫn không thay đổi dẫn đến hôn nhân gia đình bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng hiện tại đang sống ly thân,

không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị Lò Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Lương Văn B.

Về con chung: Chị Lò Thị M và anh Lương Văn B có 02 con chung là cháu Lương Thị U, sinh ngày 24/5/2017 và cháu Lương Thị L, sinh ngày 07/10/2020.

Chị Lò Thị M đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Thị U và cháu Lương Thị L cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị M không yêu cầu anh Lương Văn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin giải quyết vắng mặt bị đơn anh Lương Văn B trình bày
(Có xác nhận của Trại giam S):

Anh Lương Văn B và chị Lò Thị M kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 12/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là xã M, tỉnh Sơn La), kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh B vi phạm pháp luật, dù được chị M nhiều lần khuyên bảo nhưng anh B vẫn không thay đổi. Hiện tại anh đang chấp hành án tại Trại giam S, Cục C10, Bộ Công an. Nay chị Lò Thị M yêu cầu ly hôn, anh Lương Văn B xác định tình cảm không còn, anh B nhất trí ly hôn với chị Lò Thị M.

Về con chung: Anh Lương Văn B và chị Lò Thị M có 02 con chung là cháu Lương Thị U, sinh ngày 24/5/2017 và cháu Lương Thị L, sinh ngày 07/10/2020. Anh B đề nghị giao cả hai cháu Lương Thị U, Lương Thị L cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Lương Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng tại địa chỉ nơi cư trú của các đương sự và ý kiến con từ 07 tuổi trở lên:

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 16/6/2026 xác định: Chị Lò Thị M và anh Lương Văn B có kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là xã M, tỉnh Sơn La). Hôn nhân do hai bên tự nguyện, không bên nào ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được. Hiện tại chị M và anh B đã sống ly thân. Anh B hiện đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam S. Về con chung: chị Lò Thị M và anh Lương Văn B có 02 con chung là cháu Lương Thị U, sinh ngày 24/5/2017 và cháu Lương Thị L, sinh ngày 07/10/2020. Hiện tại các cháu đang ở với chị M. Chị Lò Thị M có khả năng và điều kiện nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Chính quyền địa phương không nắm được.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 10/6/2026 của Tòa án đối với cháu Lường Thị U thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với chị Lò Thị M, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lò Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung: Chị M giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lường Văn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với nội dung nhất trí ly hôn với chị Lò Thị M; về con chung: Anh Lường Văn B đề nghị giao cháu Phương Uyên, cháu Thảo Ly cho chị M được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Anh B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng đầy đủ tư cách tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn, tổng đạt đầy đủ hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đang chấp hành án tại Trại giam S, Cục C10, Bộ Công an đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị M ly hôn với anh Lường Văn B.

Về con chung: Giao cháu Lường Thị U, sinh ngày 24/5/2017 và cháu Lường Thị L, sinh ngày 07/10/2020 cho chị Lò Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Lường Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị M theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lò Thị M đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lường Văn B nên xác định quan hệ pháp luật là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lường Văn B có nơi trú tại Bản P, xã M, tỉnh Sơn La, do vậy đây là vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Sơn La, theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị M, bị đơn anh Lường Văn B vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về thủ tục hòa giải: Nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị M và anh Lường Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện TC, tỉnh Sơn La (Nay là xã M, tỉnh Sơn La) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, chị M và anh B là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, anh Lường Văn B vi phạm pháp luật, dù đã được chị M và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh B vẫn không thay đổi, dẫn đến hôn nhân gia đình bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Lường Văn B hiện đang chấp hành án về tội phạm liên quan ma túy tại Trại giam S, Cục C10, Bộ Công an. Chị Lò Thị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lường Văn B. Anh Lường Văn B nhất trí ly hôn với chị Lò Thị M.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, biên bản xác minh, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của đương sự và tại phiên tòa cho thấy cuộc sống chung vợ chồng của chị M và anh B không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Lường Văn B dù đã được chị M nhiều lần khuyên bảo nhưng anh B vẫn không thay đổi vẫn cố tình vi phạm pháp luật, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Giữa chị Lò Thị M và anh Lường Văn B đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Từ các căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị M và anh B đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lò Thị M ly hôn với anh Lương Văn B.

[5] Về con chung: Chị Lò Thị M và anh Lương Văn B có 02 con chung là cháu Lương Thị U, sinh ngày 24/5/2017 và cháu Lương Thị L, sinh ngày 07/10/2020.

Chị Lò Thị M và anh Lương Văn B đều đề nghị giao cháu Lương Thị U và cháu Lương Thị L cho chị Lò Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con cho đến khi trưởng thành. Anh Lương Văn B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của con chung từ 07 tuổi trở lên: Cháu Lương Thị U có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị M.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Lương Văn B hiện đang chấp hành án về tội phạm liên quan đến ma túy tại Trại giam S, Cục C10, Bộ Công an, nên anh B không thể trực tiếp nuôi dưỡng con và không có điều kiện nuôi con. Ý kiến của cháu Uyên có nguyện vọng muốn ở với chị Lò Thị M. Chị Lò Thị M có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập. Trong thời gian hai vợ chồng sống ly thân, anh B phải đi chấp hành án thì chị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con, chị M đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con về mọi mặt.

Do đó để không bị xáo trộn cuộc sống và bảo đảm sự phát triển ổn định về mọi mặt cho các cháu cần chấp nhận ý kiến của các bên đương sự, giao cháu Lương Thị U và cháu Lương Thị L cho chị Lò Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Văn B không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, do không ai yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị M, anh Lương Văn B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị M là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn yêu cầu được miễn án phí. Do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Lò Thị M đối với anh Lương Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị M ly hôn với anh Lương Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị U, sinh ngày 24/5/2017 và cháu Lương Thị L, sinh ngày 07/10/2020 cho chị Lò Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lương Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do không ai yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị M, anh Lương Văn B xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó không xem xét giải quyết trong vụ án. Trường hợp sau khi giải quyết ly hôn có phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị M.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị M, anh Lương Văn B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 2 – Sơn La (02 bản);
- Phòng THADS khu vực 2 – Sơn La;
- UBND xã M, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tiến Dũng